| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7 – GIA LAI**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2025/HS-ST
Ngày: 16 - 9 -2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Bà Tô Thị Lành

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Ngô Thanh T; sinh năm 1997 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ B, phường I (nay là phường D), tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô B và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình. Tiền sự: 01 lần, ngày 19/5/2023, bị Toà án nhân dân TP ., tỉnh Gia Lai quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng theo Quyết định số 17/QĐ-CT; chấp hành tại Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma tuý tỉnh Gia Lai. Ngày 25/12/2024, chấp hành xong. Lần xử lý vi phạm này, bị cáo chưa được xoá tiền sự. Tiền án: 01 lần, ngày 05/3/2021, bị Tòa án nhân dân TP, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015), tại Bản án số 15/2021/HSST; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Ngày 09/7/2021, chấp hành xong hình phạt tù. Lần bị kết án trên, bị cáo chưa được xoá án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày

12/02/2025 đến ngày 27/02/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực P- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G. Có mặt.

** Bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T4; trụ sở: 333 L, phường T (nay là phường A), tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1970; địa chỉ: C L, phường T (nay là phường A), tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lê Thị Như Ý, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ E, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Triệu Văn T2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, phường Y (nay là phường D), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

- Chị Châu Thị P1, sinh năm 1985; địa chỉ: Làng Đ, xã K (nay là xã L), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Trường C, sinh năm: 1994; địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P (nay là xã P), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố E, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã S, tỉnh Đăk Lăk). Vắng mặt.

- Anh Cao Quốc B1, sinh năm 1979; địa chỉ: Làng C, xã K huyện M (nay là xã L), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn M, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố C, (nay là xã P), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn E (xã E), tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 (viết tắt là Công ty T4) đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 20/12/2019, đăng ký thay đổi lần thứ tư vào ngày 22/12/2023, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh G cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trụ sở tại số C đường L, phường T, TP, tỉnh Gia Lai; chủ sở hữu là ông Nguyễn T3 (sinh năm 1992; trú tại số G đường T, phường P, TP, tỉnh Gia Lai) và người đại diện của Công

ty là ông Trần Thanh P (sinh năm 1970; trú tại Tổ F, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai); ngành nghề kinh doanh chính của Công ty T4 là mua bán phụ tùng, dầu nhớt xe mô tô (Bút lục số: 42; 43; 44).

Vào tháng 11/2021, ông P thuê Ngô Thanh T vào làm nhân viên tại Công ty T4 với hợp đồng bằng miệng, không ký hợp đồng lao động bằng văn bản. Ông P giao nhiệm vụ cho T là giao hàng (phụ tùng xe mô tô và dầu nhớt), thu tiền bán hàng của khách, vào cuối ngày số tiền thu được và hàng còn lại phải chuyển về công ty QN qua chị Lê Thị Như Ý (sinh năm 1992; là kế toán của Công ty T4) hoặc ông P, quá trình giao nhận thì ghi vào sổ theo dõi; chị Ý dựa vào công việc hằng ngày của T thì lập bảng chấm công và báo ông P; căn cứ vào bảng chấm công và doanh số bán hàng thì ông P2 trả lương cho T; ông P thoả thuận với T về lương hàng tháng là 7.500.000 đồng/tháng và hoa hồng theo doanh số bán hàng. Đồng thời, khi T vào làm việc chính thức thì mỗi ngày T đến Công ty T4 gặp ông P và chị Ý; ông P và chị Ý đã soạn sẵn đơn hàng theo danh sách khách hàng đặt mua sản phẩm của Công ty T4, rồi ông P tiếp tục giao nhiệm vụ và nhắc T về quy trình như đã thoả thuận từ lúc ban đầu; sau đó, T nhận đơn hàng (có danh sách tên khách hàng, tên hàng hoá, số lượng hàng, đơn giá và tổng số tiền hàng), rồi T cùng với ông Triệu Văn T2 (sinh năm 1973; là tài xế chở hàng đi cùng T) kiểm kê hàng hoá theo đơn hàng; sau khi kiểm tra xong thì T và ông T2 chất hàng lên xe và tiến hành giao cho khách hàng; khi giao hàng cho khách thì T là người trực tiếp giao hàng và nhận tiền của khách hàng. Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân và lợi dụng quyền hạn được Công ty T4 giao cùng sự thiếu kiểm tra của ông P và chị Ý nên từ ngày 21/8/2022 đến ngày 30/9/2022, T đã bán hàng cho 07 khác hàng, nhận tổng số tiền 73.629.000 đồng nhưng không nộp về Công ty T4 mà chiếm đoạt, tiêu xài hết. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 21/8/2022, T đến giao hàng tại cửa hàng H1 ở địa chỉ tại Thôn C, xã A, huyện K, tỉnh Đăk Lăk do bà Lê Thị H (sinh năm 1974) làm chủ, với tổng số tiền hàng là 15.392.000 đồng; sau đó, T thu tiền mặt số tiền 15.392.000 đồng nhưng T không nộp về cho Công ty T4 mà chiếm đoạt tiêu xài xài nhân hết (Bút lục số 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 107-109).

Lần 2: Vào ngày 14/09/2022, T đến giao hàng tại cửa hàng sửa chữa xe điện S ở địa chỉ tại làng Đ, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai do bà Châu Thị P3 (sinh năm 1985) làm chủ, với tổng số tiền hàng là 4.364.000 đồng; sau đó, T thu tiền mặt số tiền 4.364.000 đồng nhưng không nộp về cho Công ty T4 mà chiếm đoạt tiêu xài xài nhân hết (Bút lục số 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 123-126).

Lần 3: Vào ngày 15/09/2022, T đến giao hàng tại tiệm T5 ở địa chỉ tại Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai do anh Nguyễn Trường C (sinh năm 1994)

làm chủ, với tổng số tiền hàng là 12.900.000 đồng; sau đó, T thu tiền mặt số tiền 12.900.000 đồng nhưng không nộp về cho Công ty T4 mà chiếm đoạt tiêu xài xài nhân hết (Bút lục số 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 110- 112).

Lần 4: Vào ngày 15/09/2022, T đến giao hàng tại cửa hàng S1 ở địa chỉ tại Khu phố E, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên do ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1979) làm chủ, với tổng số tiền hàng là 7.000.000 đồng; sau đó, T thu tiền mặt số tiền 7.000.000 đồng nhưng không nộp về cho Công ty T4 mà chiếm đoạt tiêu xài xài nhân hết (Bút lục số 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 113-116).

Lần 5: Vào ngày 28/09/2022, T đến giao hàng tại cửa hàng sửa xe máy B1 ở địa chỉ tại làng C, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai do ông Cao Quốc B1 (sinh năm 1979) làm chủ, với tổng số tiền hàng là 6.000.000 đồng; sau đó, T thu tiền mặt số tiền 6.000.000 đồng nhưng không nộp về cho Công ty T4 mà chiếm đoạt tiêu xài xài nhân hết (Bút lục số 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 127-130).

Lần 6: Vào ngày 29/09/2022, T đến giao hàng tại tiệm sửa xe máy Honda Mười ở địa chỉ tại Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai do anh Phạm Văn M (sinh năm 1992) làm chủ, với tổng số tiền hàng là 7.333.000 đồng; sau đó, T thu tiền mặt số tiền 7.333.000 đồng nhưng không nộp về cho Công ty T4 mà chiếm đoạt tiêu xài xài nhân hết (Bút lục số 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 117-119).

Lần 7: Vào ngày 30/09/2022, T đến giao hàng tại tiệm sửa xe máy Bình 82 ở địa chỉ tại Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk do bà Ngô Thị Mỹ L (sinh năm 1977) làm chủ, với tổng số tiền hàng là 20.640.000 đồng; sau đó, T thu tiền mặt số tiền 20.640.000 đồng nhưng không nộp về cho Công ty T4 mà chiếm đoạt tiêu xài xài nhân hết (Bút lục số: 41-44; 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 120-122; 136-165).

Đến đầu tháng 10/2022, khi chị Lê Thị Như Ý và ông Trần Thanh P tiến hành kiểm tra, đối chiếu công nợ với 07 khách hàng nêu trên thì 07 khách hàng xác nhận đã thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Ngô Thanh T; nên ngày 20/10/2022, ông P đã yêu cầu T giải trình, T thừa nhận với ông P về hành vi chiếm đoạt số tiền 73.629.000 đồng và làm giấy cam kết sẽ hoàn trả dần số tiền 73.629.000 đồng bằng cách T vẫn làm ở Công ty QN và hàng tháng lấy tiền lương sẽ trả 3.000.000 đồng cho tới khi khắc phục xong; tuy nhiên, T chỉ trả được 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng rồi tự ý nghỉ việc. Ngày 21/6/2024, ông P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trình báo sự việc. Sau đó hồ sơ vụ án được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G để giải quyết theo quy định của pháp luật (Bút lục số: 45-62; 63-69; 87-95; 96-99; 100-102; 103-106; 107-130).

Để phục vụ việc điều tra vụ án, đại diện Công ty T4 là ông Trần Thanh P và chị Lê Thị Như Ý (kết toán Công ty) đã giao nộp tài liệu gồm: Giấy cam kết do Ngô Thanh T tự viết ngày 20/10/2022; điều lệ của Công ty T4; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty T4; 07 hoá đơn bán hàng; danh sách kê khai tổng số tiền các tuyến; sổ ghi chép đối chiếu công nợ do chị Ý lập; Bảng chấm công hàng tháng của Ngô Thanh T do chị Ý lập; sao kê giao dịch ông P chuyển khoản trả tiền lương cho T (Bút lục số: 42-44; 63-69; 136-165).

Qua trưng cầu, tại bản Kết luận giám định số 445/KL-KTHS ngày 16/5/2025 của Phòng K - Công an tỉnh G, kết luận: *"Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Ngô Thanh T trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người ký và viết ra"* (Bút lục số: 131-135).

**** Vật chứng vụ án:***

Đối với các tài liệu do đại diện Công ty T4 là ông Trần Thanh P và chị Lê Thị Như Ý (kế toán Công ty) giao nộp, Cơ quan điều tra thống kê, đánh bút lục chuyển theo hồ sơ vụ án (Bút lục số: 42-44; 63-69; 136-165).

Đối với số tiền Ngô Thanh T đã chiếm đoạt của Công ty T4 là 73.629.000 đồng, T khai đã tiêu xài cá nhân hết, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được (Bút lục số: 45-61).

*** Về dân sự:** Ngô Thanh T đã bồi thường cho Công ty T4 số tiền 5.776.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng là số tiền T trả trực tiếp cho ông Trần Thanh P – là đại diện theo uỷ quyền của Công ty T4; còn 2.776.000 đồng là số tiền lương ông P còn giữ lại của T và T đồng ý dùng số tiền này khắc phục hậu quả cho Công ty T4). Sau khi nhận lại số tiền nêu trên thì ông P yêu cầu T phải bồi thường số tiền còn lại là 67.853.000 đồng (Bút lục số: 45; 95).

Tại Bản Cáo trạng số 128/CT-VKS ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai), tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Ngô Thanh T về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Ngô Thanh T và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Ngô Thanh T phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Ngô Thanh T với mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 số tiền 67.853.000 đồng.

Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ngô Thanh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Ngô Thanh T thừa nhận hành vi bị truy tố, không có ý kiến phản đối về tội danh và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận Ngô Thanh T là nhân viên giao hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4; T được giao nhiệm vụ giao hàng và thu tiền nộp về cho Công ty. Lợi dụng quyền hạn được Công ty giao từ ngày 21/8/2022 đến ngày 30/9/2022, Ngô Thanh T 07 lần chiếm đoạt tài sản của Công ty với tổng số tiền 73.629.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo Ngô Thanh T đã phạm vào tội "Tham ô tài sản tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Gia Lai truy tố bị cáo về tội này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của pháp nhân, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, răn đe, giáo dục, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 05/3/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân TP . Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 tại Bản án số 15/2021/HSST; ngày 09/7/2021, chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xoá án tích, ngày 21/8/2022 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp tái phạm, do đó Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự ngày 19/5/2023, bị Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng theo Quyết định số 17/QĐ-CT chưa được xoá.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, tại phiên toà người đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 là 73.629.000 đồng, đã bồi thường được 5.776.000 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 67.853.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 số tiền 67.853.000 đồng.

[9] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.392.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Thanh T phạm tội *"Tham ô tài sản"*.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50, của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Thanh T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 27/02/2025).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Ngô Thanh T bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 số tiền 67.853.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.392.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Thu**